

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị, nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Viện Kiểm nghiệm thuốc Thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để có sở lựa chọn nhà thầu phụ cho gói hiệu chuẩn thiết bị phân tích năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Viện Kiểm nghiệm thuốc Thành phố Hồ Chí Minh
 - Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Họ và tên: Diệp Hoàng Vũ
 - Chức vụ: Nhân viên Trung tâm Đào tạo và Dịch vụ Kiểm nghiệm
 - Số điện thoại: 028 38374802
 - Email: hctb@vienkiemnghiem.gov.vn
 - Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại Ban hiệu chuẩn, Viện Kiểm nghiệm thuốc Thành phố Hồ Chí Minh tại số 200 Cô Bắc, phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh
 - Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ 14h00, ngày 17 tháng 08 năm 2026 đến trước 16 giờ 30 phút ngày 20 tháng 08 năm 2026
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày ký

II. Nội dung yêu cầu báo giá

- Danh mục thiết bị như sau:

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Số lượng	Nội dung
Thiết bị hiệu chuẩn tại: Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Đắk Lắk – Cơ sở 2 (Địa chỉ: 103 Nguyễn Văn Linh, phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk).				
1	Nồi hấp tiệt trùng HIRAYAMA HVE-50	223/TSCM/KNĐL2	1	Hiệu chuẩn: - Ổ các nhiệt độ: 115°C, 121°C và 134°C - Đánh giá áp suất tại nhiệt độ 115°C, 121°C và 134°C - Đánh giá sự phân bố nhiệt trong nồi hấp (độ đồng đều nhiệt độ) - Đánh giá khả năng tiệt trùng bằng chỉ thị sinh học - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Kiểm tra mức tải tại nhiệt độ 115°C, 121°C và 134°C. - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Số lượng	Nội dung
2	Nồi hấp tiệt trùng HIRA YAMA HVE-85	224/TSCM/KNĐL2	1	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 115°C, 121°C và 134°C - Đánh giá áp suất tại nhiệt độ 115°C, 121°C và 134°C - Đánh giá sự phân bố nhiệt trong nồi hấp (độ đồng đều nhiệt độ) - Đánh giá khả năng tiệt trùng bằng chỉ thị sinh học - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Kiểm tra mức tải tại nhiệt độ 115°C, 121°C và 134°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.
3	Máy đếm khuẩn lạc tự động Interscience Scan® 300	208/TSCM/KNĐL2	1	Hiệu chuẩn: - Độ chính xác - Độ đúng - Độ lặp lại - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.
4	Máy đo vòng vô khuẩn IUL	211/TSCM/KNĐL2	1	Hiệu chuẩn:- Độ chính xác- Độ đúng- Tính toán Độ không đảm bảo đo- Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.

Cart

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Số lượng	Nội dung
5	Tủ cấy vô trùng ESCO AVC-4A1	230/TSCM/KNĐL2	1	Hiệu chuẩn: - Tính toàn vẹn của màng lọc - Hiệu suất của màng lọc - Tiêu phân không khí - Tốc độ gió - Bức xạ UV - Cường độ ánh sáng - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.
6	Tủ cấy vô trùng PHSC12	231/TSCM/KNĐL2	1	Hiệu chuẩn: - Tính toàn vẹn của màng lọc - Hiệu suất của màng lọc - Tiêu phân không khí - Tốc độ gió - Bức xạ UV - Cường độ ánh sáng - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.

Out

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Số lượng	Nội dung
7	Tủ An Toàn Sinh Học Cấp II ESCO AC2-4E8 – DLKS	232/TSCM/KNĐL2	1	Hiệu chuẩn: - Tính toàn vẹn của màng lọc - Hiệu suất của màng lọc - Tiêu phân không khí - Tốc độ gió - Bức xạ UV - Cường độ ánh sáng - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.
8	Tủ An Toàn Sinh Học Cấp II ESCO AC2-4E8 – ĐNK	233/TSCM/KNĐL2	1	Hiệu chuẩn: - Tính toàn vẹn của màng lọc - Hiệu suất của màng lọc - Tiêu phân không khí - Tốc độ gió - Bức xạ UV - Cường độ ánh sáng - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.

Chu

VIỆ
NGHI
HÀNH
CÓ CH

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Số lượng	Nội dung
9	Máy đo nhiệt độ 12 kênh LUTRON BTM-4208SD	212/TSCM/KNĐL2	1	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 20°C; 25°C; 30°C; 35°C; 37°C; 41,5°C, 44°C. - Độ chính xác - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.
10	Nhiệt kế thủy tinh -38°C đến 50°C	293/TSCM/KNĐL2	1	Hiệu chuẩn: Ở nhiệt độ: - 25°C, - 20°C, - 10°C, - 5°C, 0°C, 5°C, 7°C, 10°C, 15°C, 20°C. - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.
11	Nhiệt kế thủy tinh -50°C đến 4°C	294/TSCM/KNĐL2	1	Hiệu chuẩn: Ở nhiệt độ: -35°C, -30°C, -25°C, -20°C, -10°C, -5°C, 0°C, 2°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Số lượng	Nội dung
12	Nhiệt kế thủy tinh -10°C đến 100°C	295/TSCM/KNĐL2	1	Hiệu chuẩn: Ở nhiệt độ: - 5°C, 5°C, 7°C, 10°C, 20°C, 25°C, 30°C, 35°C, 37°C, 40°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.
13	Nhiệt kế thủy tinh -20°C đến 110°C	296/TSCM/KNĐL2	1	Hiệu chuẩn: Ở nhiệt độ: -10°C, -5°C, 0°C, 5°C, 7°C, 10°C, 20°C, 25°C, 35°C, 37°C. - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.
14	Nhiệt kế thủy tinh -10°C đến 150°C	297/TSCM/KNĐL2	1	Hiệu chuẩn: Ở nhiệt độ: - 5°C, 5°C, 7°C, 10°C, 20°C, 25°C, 30°C, 35°C, 37°C, 40°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.
15	Nhiệt kế thủy tinh -38°C đến 50°C	298/TSCM/KNĐL2	1	Hiệu chuẩn: Ở nhiệt độ: - 25°C, - 20°C, - 10°C, - 5°C, 0°C, 5°C, 7°C, 10°C, 15°C, 20°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.

Chữ

THỦ
PHÓ
MINH

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Số lượng	Nội dung
16	Nhiệt kế thủy tinh 0°C đến 300°C	299/TSCM/KNĐL2	1	Hiệu chuẩn: Ở nhiệt độ: 0°C, 5°C, 7°C, 10°C, 15°C, 20°, 30°C, 35°C, 37°C, 40°C, 50°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.
17	Nhiệt kế thủy tinh -20°C đến 50°C	300/TSCM/KNĐL2	1	Hiệu chuẩn: Ở nhiệt độ: - 15°C, 5°C, 7°C, 10°C, 20°C, 25°C, 30°C, 35°C, 37°C, 41,5°C, 44°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.
18	Nhiệt kế âm sâu -50°C đến +50°C	301/TSCM/KNĐL2	1	Hiệu chuẩn: Ở nhiệt độ: - 20°C, -15°C, -10°C, -5°C, 5°C, 7°C, 10°C, 20°C, 25°C, 30°C- Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.

Chức

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Số lượng	Nội dung
19	Hệ thống phòng sạch thí nghiệm Vi sinh	-	1	Hiệu chuẩn: - Đo dải kích thước bụi - Đo nhiệt độ, độ ẩm - Đo trao đổi không khí - Đo vi sinh vật trong không khí - Cường độ ánh sáng - Độ ồn - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc
20	Cân sấy độ ẩm OHAUS MB120	265/TSCM/KNĐL2	1	* Ở các nhiệt độ: 60 °C; 85 °C; 105° C * Khối lượng cân: 0,1g; 0,5g; 1g; 2g; 5g; 10g; 50g; 100g; 150g - Tính toán Độ không đảm bảo đo Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc

Aut

9

BC

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Số lượng	Nội dung
21	Bộ quả cân chuẩn F1 (1mg – 200g)	310/TSCM/KNĐL2	1	Hiệu chuẩn: - Quả cân: 1g, 2g (2 quả), 5g, 10g, 20g (2 quả), 50g, 100g, 200g (2 quả) - Miếng: 1mg, 2mg (2 miếng), 5mg, 10mg, 20mg (2 miếng), 50mg, 100mg, 200mg (2 miếng), 500mg. Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.
22	Tủ sấy MEMMERT UNB 400	292/TSCM/KNĐL2	1	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 60°C; 70°C; 85°C; 105°C - Độ đồng đều - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc

OK

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Số lượng	Nội dung
23	Cân sấy độ ẩm OHAUS MB45	266/TSCM/KNĐL2	1	Hiệu chuẩn nhiệt độ: Ở các nhiệt độ 60°C; 70°C; 85°C; 105°C Hiệu chuẩn trọng lượng: 1,000g ÷ 2,000g Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc
24	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng (-10°C đến 110°C)	NK.01/ĐD	1	- Ở nhiệt độ: 2°C ÷ 7°C Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc
25	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng (-20°C đến 250°C)	NK.02/ĐD	1	Ở nhiệt độ: 37°C Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc
26	Nhiệt kế -10°C đến 110°C	NK.01/HL	1	Ở nhiệt độ: 3°C, 5°C, 7°C Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc
27	Thước kẹp Đu xích Digital	TB.18/ĐD	1	- Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc - Giá trị chuẩn: 1mm-150mm

Chữ

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Số lượng	Nội dung
28	Bộ rây (khung và rây bằng thép không rỉ, cỡ mắt rây 2,00 mm)	CCDC00173	1	Hiệu chuẩn kích thước mắt rây
29	Bộ rây (khung và rây bằng thép không rỉ, cỡ mắt rây 4,00 mm)	CCDC00173	1	Hiệu chuẩn kích thước mắt rây
30	Máy đo độ đục TURB 355IR	246/TSCM/KNĐL2	1	Hiệu chuẩn: - Tại điểm: 0,02; 1; 10; 100; 1000 NTU. - Độ lặp $\pm 1\%$ của giá trị đọc hoặc 0,01 FNU. - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc
31	Máy chưng cất đạm tự động Velp UDK 159	245/TSCM/KNĐL2	1	Hiệu chuẩn: - Kiểm tra độ chụm, độ đúng của Buret ở mức dung tích thường dùng bằng cân phân tích thích hợp. - Kiểm tra hiệu xuất thu hồi - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.

Cont

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Số lượng	Nội dung
32	Nhiệt kế thủy ngân (-10 đến 250°C)	305/TSCM/KNĐL2	1	Hiệu chuẩn: - Ổ nhiệt độ: 2°C, 4°C, 6°C, 8°C, 37°C, 105°C. Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.

Thiết bị hiệu chuẩn tại: Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Đắk Lắk – Trụ sở chính
(Địa chỉ: 75 Lê Duẩn, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk)

33	Tủ sấy Binder	13/TSCM/KNĐL	1	Hiệu chuẩn: * Kiểm tra sự thay đổi nhiệt độ và tỷ lệ bay hơi. * Kiểm tra sự thay đổi trong khu vực làm việc. 70°C, 85°C, 100 ± 1°C, 103 ± 1°C, 105°C, 150 ± 2°C, 130°C, 180°C. - Độ đồng đều - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc
----	---------------	--------------	---	--

Chữ ký

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Số lượng	Nội dung
34	Đồng hồ đo nhiệt độ hiện số	30/TSCM/KNĐL	1	Hiệu chuẩn: - 70°C, 85°C, 105°C, 130°C, 180°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc
34	Nhiệt kế thủy ngân	NKTN.02/KNĐL	1	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ 37°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.
35	Rây inox (Cỡ mắt rây 4mm)	R.03/KNĐL	1	Hiệu chuẩn kích thước mắt rây
36	Rây inox (Cỡ mắt rây 3,15mm)	R.01/KNĐL	1	Hiệu chuẩn kích thước mắt rây
37	Rây inox (Cỡ mắt rây 1,4mm)	R.02/KNĐL	1	Hiệu chuẩn kích thước mắt rây

Chức

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Số lượng	Nội dung
38	Nồi hấp tiệt trùng dạng đứng TOMY	41/TSCM/KNĐL	1	Hiệu chuẩn: - Đánh giá các nhiệt độ: 115°C; 121°C. - Đánh giá áp suất tại nhiệt độ 115°C; 121°C. - Đánh giá sự phân bố nhiệt độ trong nồi (ở trạng thái không tải) - Đánh giá sự thâm nhập của nhiệt trong nồi hấp (ở mức 0% tải, 50% tải, 100% tải) tại nhiệt độ 115°C; 121°C - Đánh giá khả năng tiệt trùng bằng bảng chỉ thị sinh học ở 121°C - Tính toán Độ không đảm bảo đo Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.
39	Máy đo vòng kháng khuẩn	40/TSCM/KNĐL	1	Hiệu chuẩn: - Độ chính xác - Độ đúng - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.

Aut

HỒ SƠ
HÌNH ẢNH

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Số lượng	Nội dung
40	Tủ sấy đối lưu có quạt	48/TSCM/KNĐL	1	Hiệu chuẩn: - Ổ các nhiệt độ: 160°C; 180°C - Độ đồng đều nhiệt bên trong tủ - Độ ổn định nhiệt bên trong tủ - Số hiệu chính nhiệt độ - Đánh giá khả năng tiết trùng bằng chỉ thị nhiệt - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Kiểm tra mức tải ở nhiệt độ 1600C; 1800C Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.
41	Tủ cấy sinh học cấp 2	52/TSCM/KNĐL	1	Hiệu chuẩn: Tất cả các thông số của tủ với: - Tính toàn vẹn của màng lọc - Hiệu suất của màng lọc - Tiêu phân không khí - Tốc độ gió - Bức xạ UV - Cường độ ánh sáng Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.

Quik

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Số lượng	Nội dung
42	Tủ cấy an toàn sinh học cấp 2	54/TSCM/KNĐL	1	Hiệu chuẩn: Tất cả các thông số của tủ với: - Tính toàn vẹn của màng lọc - Hiệu suất của màng lọc - Tiểu phân không khí - Tốc độ gió - Bức xạ UV - Cường độ ánh sáng - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.
43	Nồi hấp KT-30LD	66/TSCM/KNĐL	1	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ 121°C ở mức 100 % tải - Đánh giá áp suất tại nhiệt độ 121°C - Đánh giá sự phân bố nhiệt trong nồi hấp (độ đồng đều nhiệt độ) - Đánh giá khả năng tiệt trùng bằng chỉ thị sinh học - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.

Chữ

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Số lượng	Nội dung
44	Tủ sấy MEMMERT	76/TSCM/KNĐL	1	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 160°C; 180°C. - Độ đồng đều nhiệt bên trong tủ - Độ ổn định nhiệt bên trong tủ - Số hiệu chính nhiệt độ - Đánh giá khả năng tiết trùng bằng chỉ thị nhiệt - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Kiểm tra mức tải ở nhiệt độ 160°C; 180°C. Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.
45	Nhiệt ẩm kế điện tử DYS	100/TSCM/KNĐL	1	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 15°C; 18°C; 20°C; 25°C; 27°C; 60°C. - Độ ẩm: 40%; 50%; 70%; 75% - Độ đồng đều nhiệt độ và độ ẩm - Độ chính xác nhiệt độ và độ ẩm - Độ ổn định nhiệt độ và độ ẩm - Số hiệu chính nhiệt độ và độ ẩm - Tính toán Độ không đảm bảo đo Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Số lượng	Nội dung
46	Tỷ trọng kế	103/TSCM/KNĐL	1	Hiệu chuẩn: - Thang đo: 1.000 – 1.300 g/cm³ - Kiểm tra sai số - Tính toán Độ không đảm bảo đo Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.
47	Tỷ trọng kế	104/TSCM/KNĐL	1	Hiệu chuẩn: - Thang đo: 1.000 – 1.300 g/cm³ - Kiểm tra sai số - Tính toán Độ không đảm bảo đo Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.
48	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến	107/TSCM/KNĐL	1	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 15°C; 18°C; 20°C; 22,5°C; 25°C; 27°C; 72,5°C. - Độ ẩm: 40%; 50%; 70%; 75% - Độ đồng đều nhiệt độ và độ ẩm - Độ chính xác nhiệt độ và độ ẩm - Độ ổn định nhiệt độ và độ ẩm - Số hiệu chính nhiệt độ và độ ẩm - Tính toán Độ không đảm bảo đo Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.



Aut

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Số lượng	Nội dung
49	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến	106/TSCM/KNĐL	1	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 15°C; 18°C; 20°C; 25°C; 27°C; 72,5°C. - Độ ẩm: 40%; 50%; 70%; 75% - Độ đồng đều nhiệt độ và độ ẩm - Độ chính xác nhiệt độ và độ ẩm - Độ ổn định nhiệt độ và độ ẩm - Số hiệu chính nhiệt độ và độ ẩm - Tính toán Độ không đảm bảo đo Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.
50	Nồi hấp tiệt trùng STURDY SA-300 VF	TB.03/VS	1	Hiệu chuẩn: Nhiệt độ 121°C ở mức 100 % tải - Đánh giá áp suất tại nhiệt độ 121°C - Đánh giá sự phân bố nhiệt trong nồi hấp (độ đồng đều nhiệt độ) - Đánh giá khả năng tiệt trùng bằng chỉ thị sinh học - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.
51	Thước kẹp	DCVS.10/KNĐL	1	Hiệu chuẩn: - Ổ phạm vi đo khoảng từ 0mm đến 50mm - Kiểm tra vị trí “0” - Kiểm tra độ chính xác của các vạch chia trên thước - Độ chính xác - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Số lượng	Nội dung
52	Máy đếm kích thước tiểu phân không khí	65/TSCM/KNĐL	1	Hiệu chuẩn: - Lưu lượng khí (Flow rate) - Zero count (kiểm tra nền không khí) - Độ chính xác kích thước các kênh đo - Độ nhạy và độ chính xác đo nồng độ - Thời gian lấy mẫu/giữ
53	Máy đo độ đục Hanna	91/TSCM/KNĐL	1	Hiệu chuẩn: - Tại điểm 1FNU, 15FNU, - Độ lặp $\pm 1\%$ của giá trị đọc hoặc 0,01 FNU Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.
54	Máy đo Clo dư Hanna	95/TSCM/KNĐL	1	Hiệu chuẩn tại điểm: 0,3 mg/L; 0,5 mg/L; 1mg/L Độ phân giải 0,01mg/L Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.

Chữ



TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Số lượng	Nội dung
55	Máy hấp thụ nguyên tử AAS (Shimadzu AA 7000)	89/TSCM/KNĐL	1	Độ lặp lại, giới hạn phát hiện, độ ổn định, độ chính xác bước sóng ngọn lửa, lò graphite, bộ hóa hơi HVG - F- AAS (Lửa trực tiếp): thực hiện thêm độ ổn định ngọn lửa - GF- AAS (lò, không có ASC): thực hiện thêm độ trôi, độ nhiễu - HVG: Thực hiện thêm lưu lượng bơm nhu động Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.
56	Cồn kế	01/KNMPTP-KNĐL	1	Hiệu chuẩn - Thang đo trong khoảng 0-90 độ rượu - Nhiệt độ từ 0 - 40 ° C Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.
57	Máy đo độ dẫn điện Hanna	96/TSCM/KNĐL	1	Hiệu chuẩn tại điểm 1 $\mu\text{S}/\text{cm}$ và 5 $\mu\text{S}/\text{cm}$ Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.
59	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến	108/TSCM/KNĐL	1	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 1°C, 5°C, 8°C, 20°C, 30°C, 40°C. - Độ ẩm: 50%, 60%, 70%, 80%. - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Số lượng	Nội dung
60	Máy đo nhiệt độ Extech	59/TSCM/KNĐL	1	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: -20°C; 2°C; 5°C; 8°C - Độ đồng đều nhiệt độ - Độ chính xác nhiệt độ - Độ ổn định nhiệt độ - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.

Aut

2. Địa điểm Hiệu chuẩn thiết bị như sau:

Thiết bị hiệu chuẩn tại:

- Trụ sở chính (Địa chỉ: 75 Lê Duẩn, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk)
- Cơ sở 2 : (Địa chỉ: 103 Nguyễn Văn Linh, phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk).

3. Thời gian hiệu chuẩn dự kiến: Trong vòng 01-02 tuần kể từ ngày ký hợp đồng

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Ghi rõ tỷ lệ tạm ứng, thanh toán hợp đồng và các điều kiện tạm ứng, thanh toán

5. Các thông tin khác

Giá chào là đồng Việt Nam đã bao gồm thuế và tất cả các chi phí (vận chuyển, lưu kho, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, chi phí ủy thác xuất nhập khẩu, chuyên giao công nghệ (nếu có,...))

Báo giá phải ghi rõ nội dung hiệu chuẩn như yêu cầu tại phụ lục



Báo giá phải có dấu hoặc chữ ký của người có thẩm quyền theo quy định và đóng dấu của đơn vị chào giá. Trường hợp báo giá có nhiều trang, đề nghị đơn vị đóng dấu giáp lai các trang.

Công ty vui lòng cung cấp bảng báo giá theo mẫu phụ lục đính kèm.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện trưởng (để báo cáo);
- Website của Viện;
- Lưu: VT, Phòng VTTTB, tổ CNTT.

KT VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Hà

Phụ lục

BÁO GIÁ ⁽¹⁾

Kính gửi: Viện kiểm nghiệm thuốc Thành phố Hồ Chí Minh

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Viện Kiểm nghiệm thuốc Thành phố Hồ Chí Minh, Chúng tôi.....[ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp] báo giá cho danh mục thiết bị hiệu chuẩn như sau:

1. Báo giá hàng hóa như sau:

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Nội dung thực hiện	Đơn giá đã bao gồm phí, lệ phí và các chi phí liên quan (VNĐ/TB)	Thành tiền (VNĐ)
1						
2						
3						
n						
	Tổng chi phí					
	Bảng chữ:.....					

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày kể từ ngày ký

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày.....tháng.....năm 2026

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP THEO PHÁP LUẬT ⁽²⁾

(Ký tên và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.